BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 1

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Phan Hoài	An	04/12/1993		6	5	7	6,0	Sáu	TĐ1
2	Bùi Thị Ngọc	Ẩn	15/04/1994		9	9	8	8,7	Tám bảy	
3	Nguyễn Dương Thúy	An	01/01/1994							
4	Nguyễn Thị Phương	An	02/03/1993		6	5	8	6,3	Sáu ba	
5	Nguyễn Đức	An	20/06/1994		8	6	7	7,0	bảy	
6	Huỳnh Nguyễn Mỹ	Anh	23/10/1994		6	8	6	6,7	Sáu bảy	
7	Võ Huỳnh Vân	Anh	08/11/1994							
8	Đàm Trần Lê Hoàng	Anh	29/08/1994		8	7	9	8,0	Tám	
9	Nguyễn Hoàng	Anh	02/12/1994		5	5	7	5,7	Năm bảy	
10	Hứa Triều	Anh	15/10/1994		5	7	8	6,7	Sáu bảy	
11	Lê Thị Kim	Anh	23/04/1994		5	5	8	6,0	Sáu	
12	Trần Thị Ngọc	Ánh	01/03/1993		6	5	7	6,0	Sáu	
13	Trung Lý Gia	Bảo	24/02/1994		6	6	6	6,0	Sáu	
14	Bùi Thị	Bình	12/05/1994		6	6	8	6,7	Sáu bảy	
15	Nguyễn Thị	Cẩm	20/04/1993		6	5	6	5,7	Năm bảy	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 2

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Lê Thị	Chấn	10/06/1993							TĐ2
2	Phạm Thị Mỹ	Chi	05/05/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
3	Nguyễn Thii Ngọc	Dân	09/07/1994		7	5	7	6,3	Sáu ba	
4	Huỳnh Nguyễn Kiều	Diễm	19/04/1994		5	6	7	5,7	Năm bảy	
5	Diệu Thị Ngọc	Diệp	07/02/1994		7	8	7	7,3	bảy ba	
6	Nguyễn Bảo Dinh	Dinh	20/07/1993		7	6	8	7,0	Bảy	
7	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/06/1993		6	5	7	6,0	Sáu	
8	Võ Đông	Dương	06/10/1992		9	9	10	9,3	Chín ba	
9	Lê Phương	Dung	20/09/1994		6	6	6	6,0	Sáu	
10	Nguyễn Khánh Thùy	Dung	01/10/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
11	Nguyễn Thị	Dung	16/06/1993		6	5	7	6,0	Sáu	
12	Diệp Thị Phương	Dung	01/08/1994		6	6	6	6,0	Sáu	
13	Hồ Thị Mỹ	Dung	02/0/1994		5	7	8	6,7	Sáu bảy	
14	Trần Thị Lệ	Duyên	30/05/1994		6	6	8	6,7	Sáu bảy	
15	Lê Thị Mỹ	Duyên	10/03/1994		6	5	7	6,0	Sáu	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 3

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Lê Thị Hồng	Gấm	09/03/1993	Gấm	5	5	5	5,0	Năm	TĐ3
2	Ao Thị Xuân	Giang	07/07/1994		7	5	6	6,0	Sáu	
3	Trần Thị Hương	Giang	02/10/1993		7	6	7	6,7	Sáu bảy	
4	Trần Đức	Hậu	19/10/1993		6	5	7	6,0	Sáu	
5	Tống Thị Lệ	Hằng	11/09/1994		5	6	7	6,0	Sáu	
6	Hoàng Thị	Hằng	11/05/1994		5	5	6	5,3	Năm ba	
7	Châu Thị Ngọc	Hạnh	14/06/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
8	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	12/11/1993		5	5	8	6,0	Sáu	
9	Hoàng Thị Thu	Hà	27/08/1994		6	5	7	5,7	Năm bảy	
10	Dương Nhược	Hà	07/10/1994		6	5	9	6,7	Sáu bảy	
11	Phạm Thị Thanh	Hải	02/09/1992		7	6	7	6,7	Sáu bảy	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Hảo	08/12/1993		5	6	7	6,0	Sáu	
13	Ngô Mỹ	Hiền	03/01/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
14	Vũ Thanh	Hiền	29/11/1993		5	5	7	5,7	Năm bảy	
15	Trần Thị Diễm	Hiền	13/03/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 4

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Phan Hữu Xuân	Hiền	27/10/1994		6	9	6	7,0	Bảy	TĐ4
2	Nguyễn Thị Bích	Hiền	03/12/1994							
3	Nguyễn Thị Lệ	Hiền	01/08/1993		5	5	7	5,7	Năm bảy	
4	Trần Minh	Hiếu	02/10/1994		6	6	8	6,7	Sáu bảy	
5	Dương Trương Thu	Hoa	06/03/1994		5	5	8	5,7	Năm bảy	
6	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	06/09/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
7	Nguyễn Thị	Hoa	15/02/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
8	Phạm Thị Thu	Hồng	15/02/1994		5	6	6	5,7	Năm bảy	
9	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	06/04/1994		6	5	6	5,3	Năm ba	
10	Lê Thị	Hoài	13/06/1993		5	5	7	5,7	Năm bảy	
11	Trần Thị	Hoàng	03/03/1993		6	5	5	5,0	Năm	
12	Trần Thị	Hương	24/10/1992							
13	Trần Thị Lan	Hương	06/10/1994		6	5	5	5,3	Năm ba	
14	Thiều Thu	Hương	16/10/1994		7	9	5	6,7	Sáu bảy	
15	Phạm Thị Thanh	Hương	10/07/1994		7	5	5	5,7	Năm bảy	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 5

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Thị Thanh	Hương	08/09/1994		6	6	6	6,0	Sáu	TĐ5
2	Vương Lan	Hương	06/04/1994		7	10	5	7,3	bảy ba	
3	Trần Thị Thanh	Hường	01/08/1994		6	6	7	6,3	Sáu ba	
4	Trần Minh	Hùng	05/05/1994		9	9	10	9,3	Chín ba	
5	Nguyễn Ngọc Hạ	Huyền	10/08/1993		5	5	8	6,0	Sáu	
6	Phạm Thị Thanh	Huyền	09/10/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
7	Lâm Trần Ngọc	Huyền	12/10/1994		7	5	7	6,3	Sáu ba	
8	Phạm Thị Ngọc	Huyền	08/12/1994		7	5	7	6,3	Sáu ba	
9	Trần Thị Ngọc	Huyền	13/09/1993		8	6	7	7,0	Bảy	
10	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	24/01/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
11	Nguyễn Thị Mỹ	Khánh	18/07/1994		6	5	5	5,3	Năm ba	
12	Huỳnh Đăng	Khoa	09/09/1994		5	5	8	6,0	Sáu	
13	Nguyễn Thị	Khuyên	18/01/1994		7	5	6	6,0	Sáu	
14	Phạm Thị Thanh	Kiều	15/10/1994		6	5	5	5,3	Năm ba	
15	Bùi Thị Thúy	Kiều	05/05/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 6

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Phạm Thanh	Lâm	17/04/1994	Lâm	5	5	∅	5,∅	Năm bảy	TĐ6
2	Nguyễn Thị Trúc	Lam	10/03/1994	Lam	8	6	8	∅,3	bảy ba	
3	Cao Thị Tuyết	Lan	21/05/1994	Lan	5	8	∅	6,∅	Sáu bảy	
4	Dương Thị Thanh	Lan	06/07/1993	Lan	6	5	5	5,0	Năm	
5	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	05/01/1994	Lan	5	∅	6	6,0	Sáu	
6	Phan Thị Mỹ	Lệ	28/11/1994	Lệ	6	6	6	6,0	Sáu	
7	Phan Minh	Liên	01/07/1994	Liên	5	5	∅	5,∅	Năm bảy	
8	Laâm Thị Kim	Liên	20/08/1994	Liên	5	5	5	5,0	Năm	
9	Tạ Thị	Liên	14/07/1991		6	5	6	5,3	Năm ba	
10	Bùi Ngọc Thùy	Linh	21/07/1994		5	5	8	6,0	Sáu	
11	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24/12/1994		∅	∅	∅	∅,0	bảy	
12	Lâm Kim	Linh	18/12/1994		∅	6	5	6,0	Sáu	
13	Lê Thúy	Linh	19/10/1994		6	5	6	5,∅	Năm bảy	
14	Trần Thị Yến	Linh	14/08/1994		6	∅	5	6,0	Sáu	
15	Dương Thị Ngọc	Linh	06/05/1994	Linh	5	6	6	5,∅	Năm bảy	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 7

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Đỗ Thị Trúc	Linh	15/10/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	TĐ7
2	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	24/10/1994		5	5	7	5,3	Năm ba	
3	Nguyễn Thị	Linh	10/12/1992		5	5	6	5,3	Năm ba	
4	Đặng Phương	Linh	25/10/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
5	Bùi Thị Mai	Linh	13/07/1994		5	5	8	6,0	Sáu	
6	Đinh Thị Thùy	Linh	14/11/1993		6	5	8	6,0	Sáu	
7	Lê Kiều	Linh	19/11/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
8	Nguyễn Thanh	Lộc	09/08/1993		8	6	9	7,7	bảy bảy	
9	Hoàng Thị Như	Lộc	23/01/1994		7	5	8	6,7	Sáu bảy	
10	Nguyễn Thị Quỳnh	Loan	11/07/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
11	Nguyễn Thị Hồng	Loan	048/08/1994		5	5	7	5,7	Năm bảy	
12	Nguyễn Thị Thùy	Loan	28/04/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
13	Lâm Tuấn	Lợi	13/05/1994		7	5	7	6,3	Sáu ba	
14	Võ Hoàng	Long	15/11/1992							
15	Nguyễn Thành	Luân	02/03/1994		7	5	6	5,7	Năm bảy	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 8

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Đặng Thị	Luyến	03/12/1993		8	6	8	7,3	bảy ba	TĐ8
2	Vũ Thị	Luyến	22/03/1993		7	5	7	6,3	Sáu ba	
3	Ngô Thị Hồng	Luyến	19/09/1994		6	5	6	5,7	Năm bảy	
4	Nguyễn Thị Trúc	Ly	24/05/1994		5	6	6	5,7	Năm bảy	
5	Bùi Thị Tuyết	Mai	06/08/1991		6	9	8	7,7	bảy bảy	
6	Nguyễn Ngọc	Mai	19/02/1993		5	5	5	5,0	Năm	
7	Dương Thanh	Mai	06/11/1994		5	5	5	5,0	Năm	
8	Ngô Tuyết	Minh	12/12/1993		6	5	5	5,3	Năm ba	
9	Nguyễn Hoài	My	19/06/1994		7	5	6	6,0	Sáu	
10	Đoàn Thị	Mỹ	29/12/1994		7	5	6	6,0	Sáu	
11	Đậu Thị	Nam	19/10/1992		6	5	5	5,3	Năm ba	
12	Cao Thị	Đảm	28/01/1994		7	6	6	6,3	Sáu ba	
13	Trần Vương Kim	Ngân	17/05/1994		6	9	5	6,3	Sáu ba	
14	Khương Thị Kim	Ngân	22/12/1992		5	5	5	5,0	Năm	
15	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	20/03/1994		7	5	6	6,0	Sáu	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 9

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	04/02/1994							TĐ9
2	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	21/09/1994		6	5	5	5,3	Năm ba	
3	Lương Thị Như.	Ngọc	15/01/1994		7	6	6	6,3	Sáu ba	
4	Nguyễn Thị	Ngọc	05/06/1994		6	7	5	5,7	Năm bảy	
5	Lý Đại	Ngọc	23/10/1993		7	5	5	5,	Năm bảy	
6	Đặng Thị Hồng	Nguyên	14/12/1994		6	5	8	6,3	Sáu ba	
7	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	28/08/1994		6	6	7	6,3	Sáu ba	
8	Nguyễn Thị Thanh	Nguyệt	20/07/1993		5	5	5	5,0	Năm	
9	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	27/08/1993		5	10	8	7,7	bảy bảy	
10	Ngô Hà Minh	Nhật	03/10/1994		7	10	7	8,0	Tám	
11	Trương Thu	Nhi	12/09/1994		5	5	7	5,7	năm bảy	
12	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/01/1994		7	6	8	7,0	bảy	
13	Chung Gia	Nhi	25/06/1994		7	5	7	6,3	Sáu ba	
14	Đỗ Nguyễn Nhật	Nhi	11/01/19*94		7	5	6	6,0	Sáu	
15	Phan Phụng	Như	12/03/1993		7	6	8	7,0	bảy	
16										
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 2

Tiểu đội 10

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Thị Hồng	Như	18/02/1994	Như	7	5	6	6,0	Sáu	TĐ10
2	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	10/08/1994	Như	5	5	9	6,3	Sáu ba	
3	Bằng Thúy	Như	25/07/1992	Thuyết	7	5	8	6,7	Sáu bảy	
4	Bùi Anh	Nhựt	14/11/1994	Nhựt	7	6	7	6,7	Sáu bảy	
5	Trần Thị	Nhung	03/09/1993	Nhung	6	5	6	5,7	Năm bảy	
6	Trương Văn	Đường	17/04/1994	Đường	5	5	8	6,0	Sáu	
7	Đặng Thị Kim	Oanh	12/05/1994							
8	Trương Thị Kim	Oanh	04/11/1994	Oanh	6	5	8	6,3	Sáu ba	
9	Phạm Hoàng	Oanh	22/06/1994	Oanh	5	6	8	6,3	Sáu ba	
10	Vương Thúy	Oanh	02/12/1992	Oanh	5	5	8	6,0	Sáu	
11	Hồ Thị Kim	Phượng	29/11/1994	Phượng	7	6	7	6,7	Sáu bảy	
12	Vũ Thị	Phượng	29/09/1994	Phượng	6	6	6	6,0	Sáu	
13	Nguyễn Thị Kim	Phượng	04/07/1994	Phượng	7	6	7	6,7	Sáu bảy	
14	Phùng Thị Lan	Phương	19/11/1994	Phương	5	6	6	5,7	Năm bảy	
15	Đỗ Thị	Phương	24/12/1994	Phương	7	6	7	6,7	Sáu bảy	
16										
17										
18										
19										
20										